

Ngày	8,900 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	6.0%	11.3%	-5.3%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,800 - 9,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	282
Số lượng CPLH (CP)	31,700,380
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,730
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.50
EPS	472
P/E	18.8

DT thuần

Q1/24

304

tỷ VNĐ

QoQ: ▼100| -24.8%

YoY: ▲ 121| 66.0%

LN trước thuế

Q1/24

10.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.00| -32.5%

YoY: ▲ 11.8| 770%

LN sau thuế

Q1/24

7.97

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.53| -24.1%

YoY: ▲ 10.8| 385%

ROA

2023

0.7%

+/- YoY: ▼ 1.2%

DT thuần

2023

1,123

tỷ VNĐ

YoY: ▼979| -46.6%

LN trước thuế

2023

18.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼21.6| -54.1%

LN sau thuế

2023

8.79

tỷ VNĐ

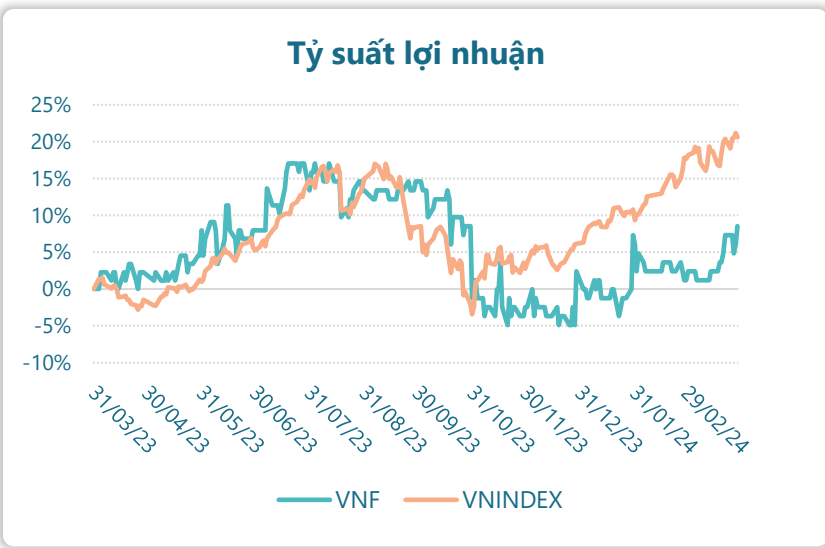
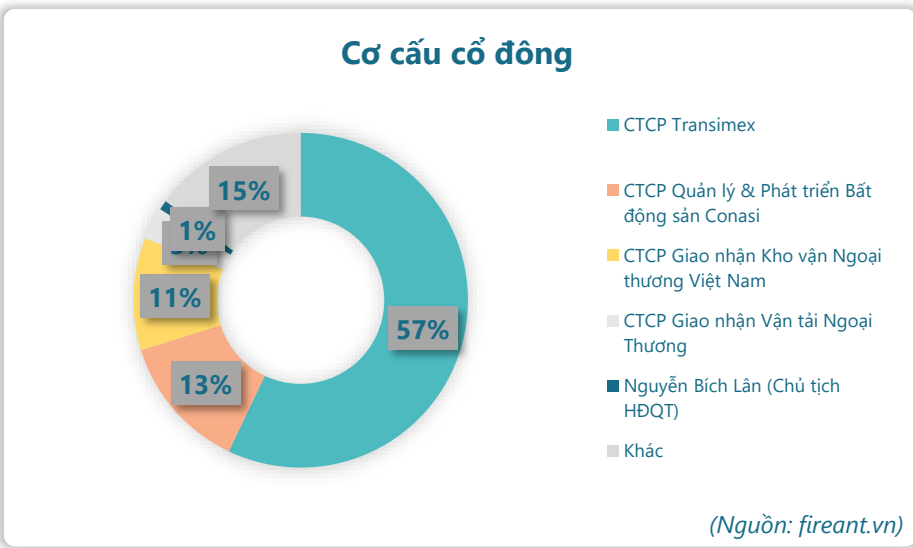
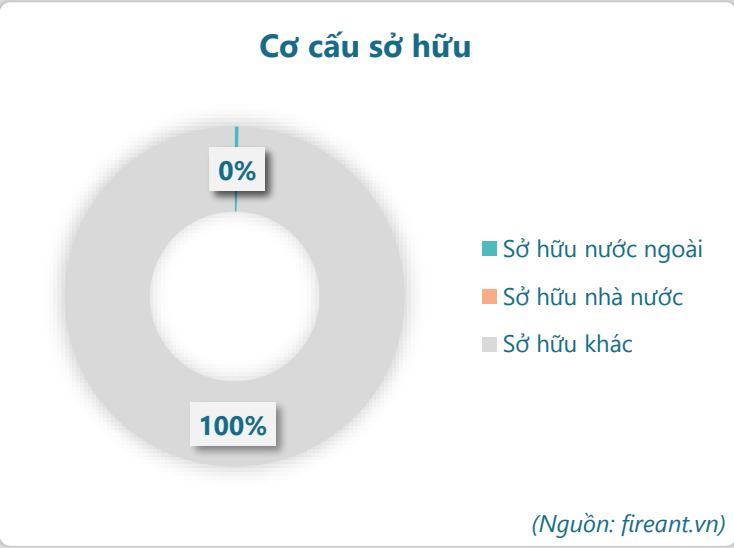
YoY: ▼17.2| -66.2%

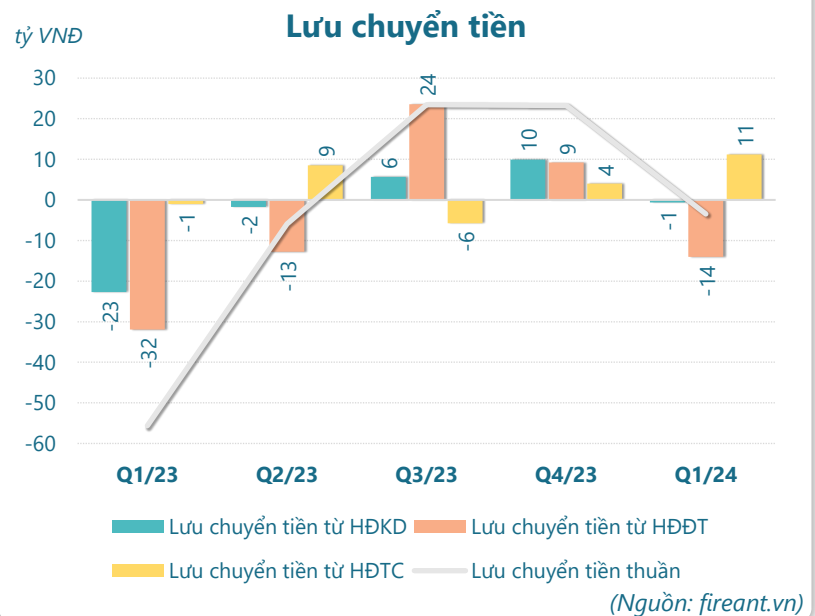
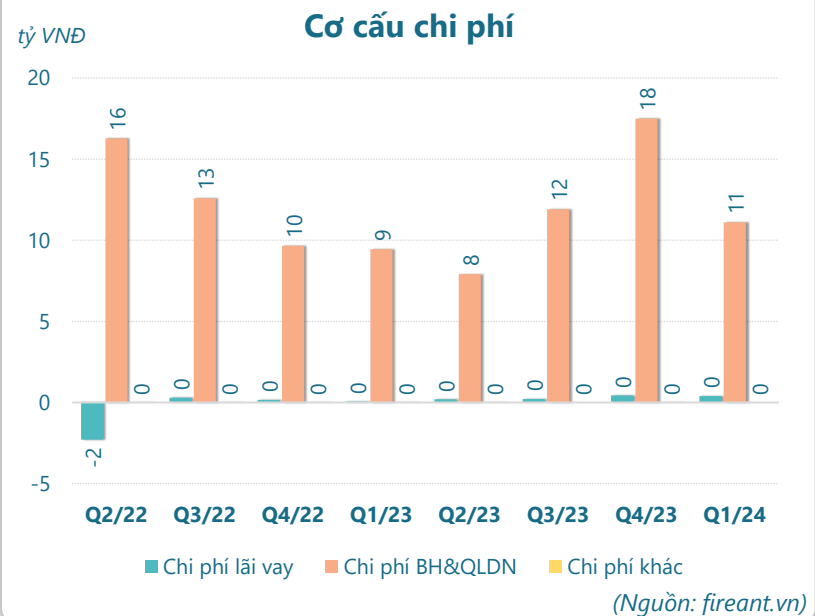
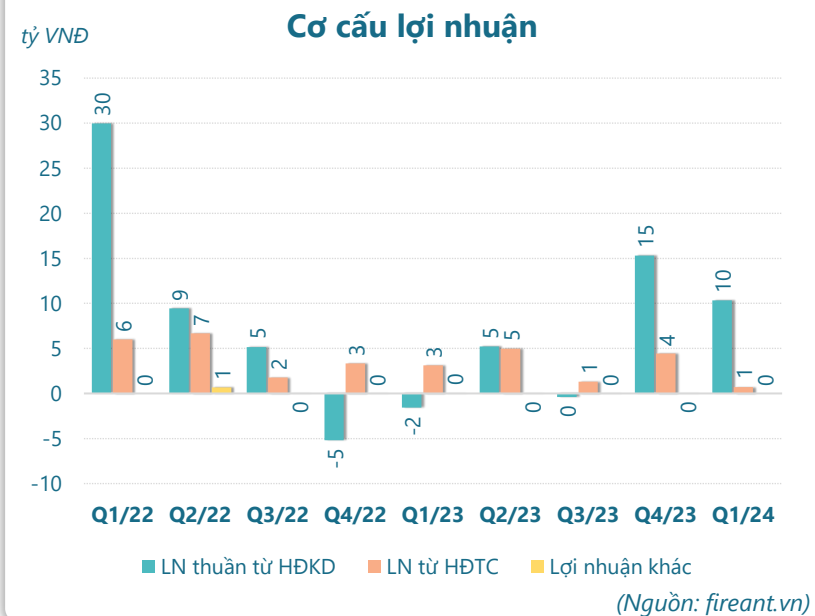
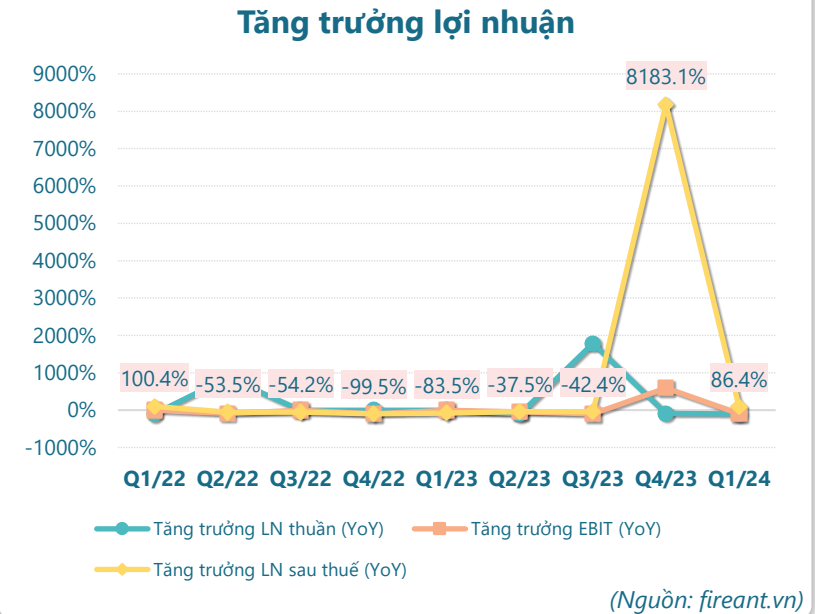
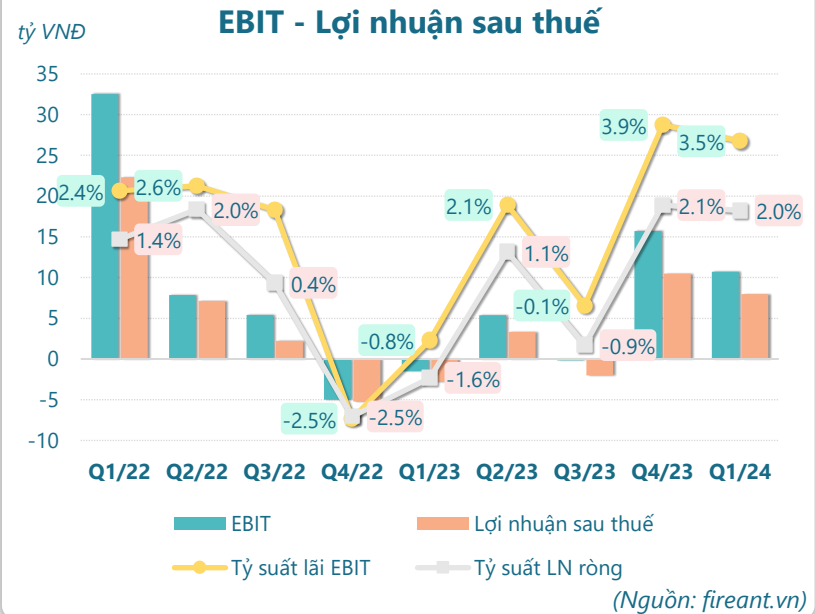
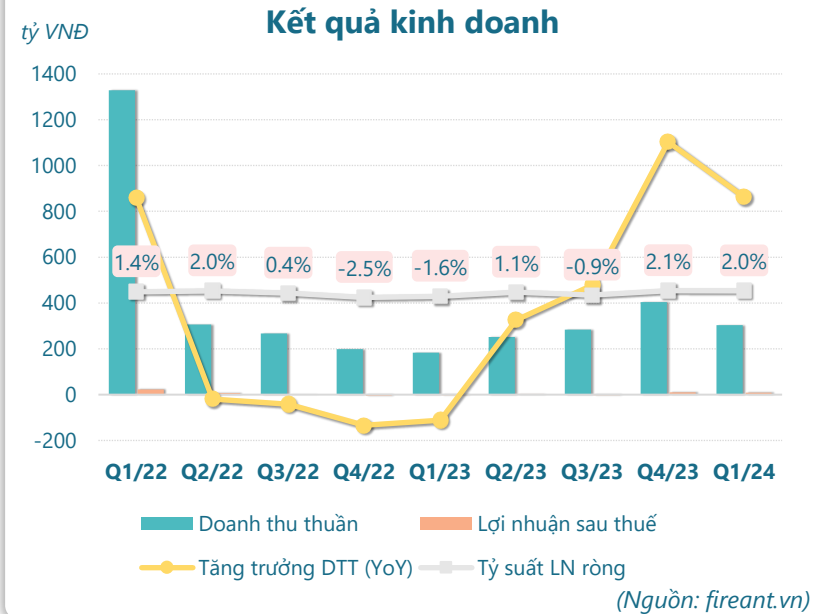
ROE

2023

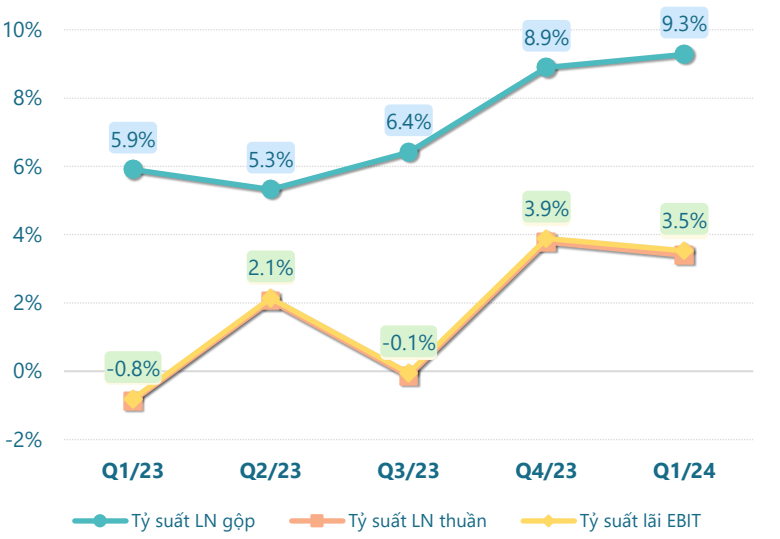
0.9%

+/- YoY: ▼ 2.5%

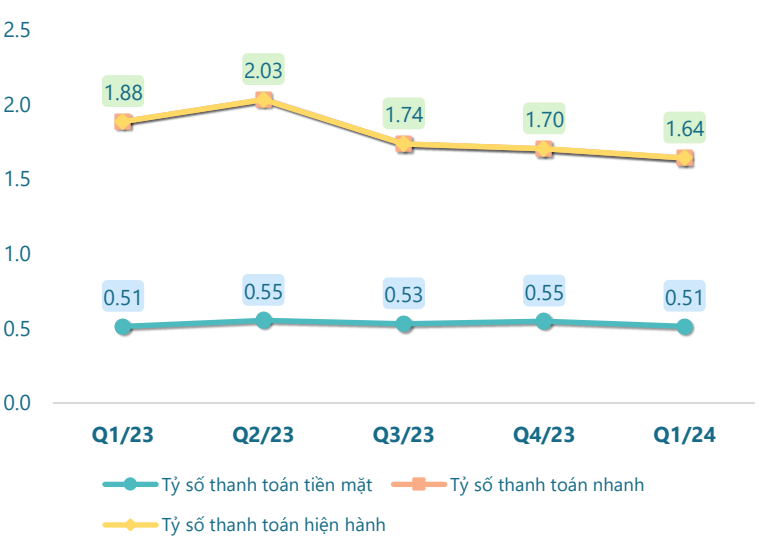




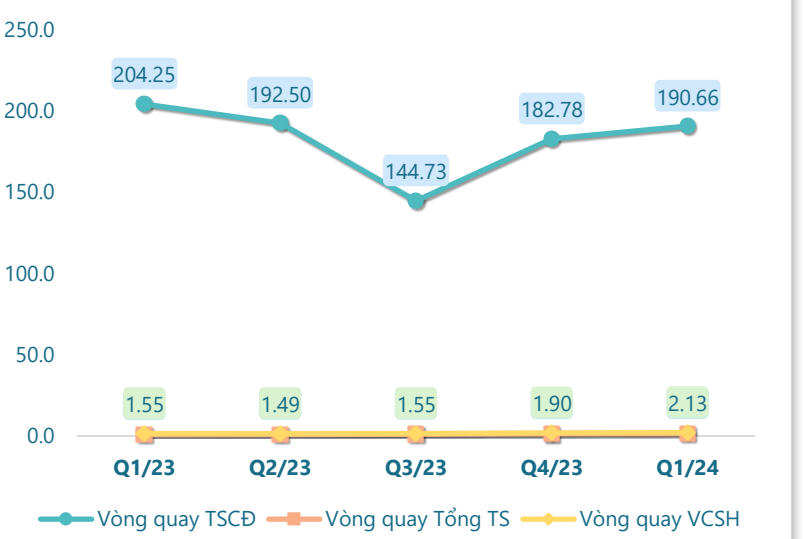
Tỷ suất lợi nhuận



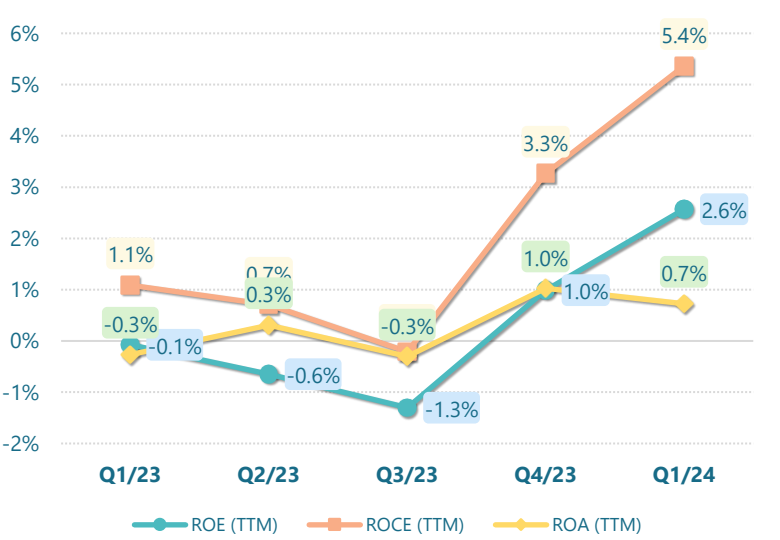
Chỉ số thanh khoản



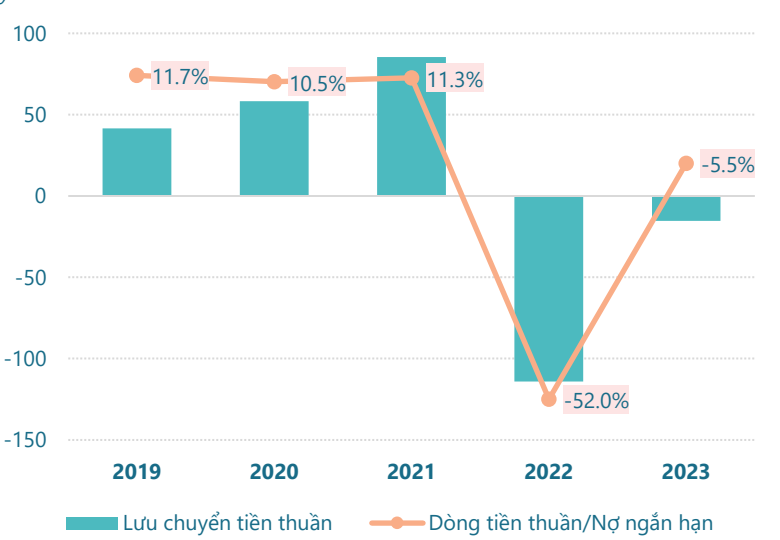
Vòng quay tài sản



Tỷ suất sinh lợi



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



Nhóm chỉ số định giá

